

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/9

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Polyquart® 149**

Phiên bản: 1.0

(30636663/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

1. Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

Polyquart® 149

Sử dụng: Raw material for the chemical-technical industry

Công ty:

BASF Vietnam Co. Ltd.
12 Tu do Boulevard, Vietnam-Singapore IP
Thuan An, Binh Duong, VIETNAM
Điện thoại: +84 6503 743-100
Số fax: +84 6503 743-200
Địa chỉ mail: thixuanthuy.nguyen@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng nguy hiểm

Phân loại về chất và hợp chất:

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat. 3
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat. 3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Cảnh báo nguy cơ:

Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh. Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

Tránh thải vào môi trường.

Lưu ý khi thải bỏ:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Polyquart® 149**

Phiên bản: 1.0

(30636663/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:
Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

3. Thông tin về thành phần nguy hiểm

Bản chất của hoá chất

Dung dịch hoà tan dựa trên: Methacryl amidopropyl trimethylammoniumchloride, Ethylacrylate and Acrylic acid, polymer

Thành phần nguy hại

Methacryl amidopropyl trimethylammoniumchloride, Ethylacrylate and Acrylic acid, polymer
Hàm lượng (W/W): $\geq 15\%$ - $< 25\%$ Aquatic Chronic: Cat. 2
Số CAS: 192003-74-0

4. Biện pháp sơ cấp cứu khi gặp tai nạn

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:
Súc miệng và sau đó uống nhiều nước.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Không có những triệu chứng đáng kể nào do việc không phân loại sản phẩm.
Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

5. Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, bột khô, bọt

Những mối nguy hiểm cụ thể:
những chất dạng hơi có hại
Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Polyquart® 149**

Phiên bản: 1.0

(30636663/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Thông tin bổ sung:
Nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

Những cảnh báo cá nhân:
Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Cảnh báo môi trường:
Chứa nước nhiễm bản/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:
Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.
Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp.
Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

7. Sử dụng và bảo quản

Sử dụng

Không phương thức đặc biệt nào cần thiết với điều kiện sản phẩm được sử dụng đúng cách.

Phòng chống cháy nổ:
Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Lưu trữ

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi thoáng mát

8. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp chưa được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:
Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra.

Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

Bảo vệ tay:
Găng tay bảo vệ chống hóa chất
Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN 374):

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
 Sản phẩm: **Polyquart® 149**

Phiên bản: 1.0

(30636663/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

ví dụ cao su nitril (0.4 mm), cao su cloropren (0.5 mm), polyvinylchloride (0.7 mm) và chất khác
 Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất
 găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều
 điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể
 ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm
 Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh.

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ,
 quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong
 trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Đề nghị mặc trang phục làm việc bó sát. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc.
 Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

9. Đặc tính hóa lý

Dạng:	dung dịch	
Màu sắc:	hơi vàng	
Mùi:	đặc trưng của sản phẩm	
Ngưỡng mùi:	không được xác định	
Giá trị pH:	tương đương 6.5	(DIN 19268)
Điểm nóng chảy:	tương đương -2 °C	(DIN ISO 3016)
Điểm sôi:	> 100 °C (1.013 bar)	
Điểm chớp cháy:	Dựa trên hàm lượng nước cao, không cần thiết xác định điểm chớp.	
Tốc độ bay hơi:	không được xác định	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không bắt cháy	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.	
Tự bắt cháy:	không tự cháy	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
 Sản phẩm: **Polyquart® 149**

Phiên bản: 1.0

(30636663/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Khả năng tự gia nhiệt:	Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	tương đương 23 hPa (20 °C)	(được ước lượng)
Tỷ trọng:	tương đương 1.05 g/cm ³ (20 °C)	(DIN 51757)
Tỷ trọng tương đối:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không được xác định	
Tính tan trong nước:	có thể pha trộn	
Phép nghiệm ẩm:	Không hút ẩm	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.	
Tính nhớt, động lực:	tương đương 250 mPa.s (23 °C)	(DIN EN ISO 2555)

Thông tin khác:

Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Những điều kiện cần tránh:

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:

các hóa chất có tính hoạt hóa cao

Không có bất cứ vấn đề nào trong quá trình sử dụng và bảo quản nếu tuân thủ các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

Những phản ứng nguy hiểm:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Độ độc cấp tính

Đánh giá độ độc cấp tính:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Polyquart® 149**

Phiên bản: 1.0

(30636663/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Hầu như không độc khi hít phải.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
ATE (miệng): > 5,000 mg/kg

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Không có sẵn các dữ liệu.

Gây đột biến tế bào

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
tiêu cực (Chỉ thị 84/449/EEC, B.14)

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn):

Ghi chú: Không có sẵn các dữ liệu.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Không có sẵn các dữ liệu.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

Thông tin độc tính liên quan khác

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

12. Thông tin về sinh thái môi trường

Độc sinh thái

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Polyquart® 149**

Phiên bản: 1.0

(30636663/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Độc với loài cá:
LC50 (96 h) > 10 - 100 mg/l, Cá

Loài không xương sống thủy sinh:
LC50 (48 h), loài sinh vật giáp xác phù du daphnia
không được xác định

Thực vật thủy sinh:
EC50 (72 h), tảo
không được xác định

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:
EC0 > 1 - 10 mg/l

Độc mãn tính cho loài cá:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:
Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:
Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:
Phân hủy sinh học kém.

Thông tin bổ sung

Ghi chú thêm về hủy hoại môi trường và quá trình:
Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

13. Biện pháp và quy định về tiêu hủy hoá chất

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:
Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.
Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

14. Quy định về vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

15. Thông tin về luật pháp

Những quy định của Cộng đồng Châu Âu (Dán nhãn)

Chỉ thị 1999/45/EC (Dự thảo chỉ thị):

Nhóm nguy cơ - R
R52/53

Nguy hại với sinh vật thủy sinh, có thể gây ảnh hưởng lâu dài cho môi trường thủy sinh

Nhóm An toàn - S
S61

Tránh rò rỉ ra môi trường. Tham khảo hướng dẫn đặc biệt/ phiếu an toàn hoá chất

Những quy định khác

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Thông tin khác

Thông tin cho việc dự kiến sử dụng: Sản phẩm này là của đặc trưng công nghiệp và trừ khi được chỉ rõ hoặc đồng ý khác được dùng dành riêng cho ngành công nghiệp. Bao gồm cách sử dụng được đề cập và đề nghị. Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Trong sự liên hệ cụ thể này, việc áp dụng cho những sản phẩm là mục tiêu của những quy định và tiêu chuẩn đặc biệt.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Polyquart® 149**

Phiên bản: 1.0

(30636663/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.